

Số: **4391**/BCT - TTTN
V/v điều hành kinh doanh xăng dầu

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2015

Kính gửi: Các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Công Thương - Tài chính Quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC);

Căn cứ Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống;

Căn cứ Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 26 tháng 01 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về cơ chế giá đối với xăng E5;

Căn cứ Nghị quyết số 888a/2015/UBTVQH13 ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 về biểu thuế bảo vệ môi trường, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ ngày 05 tháng 5 năm 2015 về điều hành giá bán lẻ xăng dầu;

Căn cứ Thông tư số 61/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi (xăng, dầu hỏa giữ nguyên mức 20%, dầu điêzen từ mức 20% giảm xuống mức 12%, dầu madút từ mức 25% giảm xuống mức 13%), có hiệu lực từ ngày 04 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ thực tế diễn biến giá xăng, dầu thành phẩm thế giới kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2015 đến hết ngày 04 tháng 5 năm 2015 (sau đây gọi tắt là kỳ công bố) và căn cứ nguyên tắc tính giá cơ sở theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC;

Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường, như sau:

Mặt hàng	Giá cơ sở kỳ trước liền kề, điều hành ngày 13/4/2015 ¹ (đồng/lít,kg)	Giá cơ sở kỳ công bố ² (đồng/lít,kg)	Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liền kề (đồng/lít,kg)	Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liền kề (%)
	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=[(3):(1)]x100
1. Xăng RON 92	18.277	20.673	+2.396	+13,1
2. Xăng E5	17.947	20.178	+2.231	+12,4
3. Dầu diesel 0.05S	16.017	16.205	+188	+1,2
4. Dầu hỏa	16.290	15.815	-475	-2,9
5. Dầu Madút 180CST 3.5S	13.036	12.956	-80	-0,6

Trước những diễn biến giá xăng dầu thế giới trong thời gian gần đây và thực hiện điều hành giá xăng dầu theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nhằm hỗ trợ giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh, hỗ trợ đời sống sinh hoạt của người dân, Liên Bộ Công Thương - Tài chính quyết định:

1. Quỹ Bình ổn giá xăng dầu

- Giữ nguyên mức trích lập Quỹ Bình ổn giá xăng dầu như hiện hành.
- Điều chỉnh mức chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các loại xăng dầu như sau:

+ Xăng khoáng các loại: tăng 446 đồng/lít, từ mức 991 đồng/lít tăng lên mức 1.437 đồng/lít;

+ Xăng E5: tăng 281 đồng/lít, từ mức 991 đồng/lít tăng lên mức 1.272 đồng/lít;

+ Dầu diesel các loại: tăng 188 đồng/lít, từ mức 134 đồng/lít tăng lên mức 322 đồng/lít;

+ Dầu hỏa: ngừng chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu, từ mức 217 đồng/lít về mức 0 đồng/lít;

+ Dầu madút các loại: giảm 80 đồng/kg, từ mức 383 đồng/kg giảm xuống mức 303 đồng/kg.

2. Giá bán xăng dầu

Sau khi thực hiện việc trích lập, sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu tại Mục 1 nêu trên, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường không cao hơn mức giá:

- Xăng RON 92: không cao hơn mức giá 19.236 đồng/lít;

^{1,2} Tính trên cơ sở mức trích lập Quỹ Bình ổn giá theo quy định là 300 đồng/lít xăng khoáng, 0 đồng/lít xăng E5, 300 đồng/lít diesel, 300 đồng/lít dầu hỏa, 300 đồng/kg dầu madút.

- Xăng E5: không cao hơn mức giá 18.906 đồng/lít;
- Dầu diesel 0.05S: không cao hơn mức giá 15.883 đồng/lít;
- Dầu hỏa: không cao hơn mức giá 15.815 đồng/lít;
- Dầu motor 180CST 3.5S: không cao hơn mức giá 12.653 đồng/kg.

3. Thời gian thực hiện

- Trích lập, sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các mặt hàng xăng dầu: Áp dụng từ 21 giờ 00 ngày 05 tháng 5 năm 2015.

- Điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng, dầu: Do thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu quy định nhưng không sớm hơn 21 giờ 00 ngày 05 tháng 5 năm 2015 đối với xăng, không muộn hơn 21 giờ 00 ngày 05 tháng 5 năm 2015 đối với dầu hỏa.

- Kể từ 21 giờ 00 ngày 05 tháng 5 năm 2015 (ngày Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ công bố tại Công văn này) cho đến trước ngày Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ kế tiếp, việc điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu do thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu quyết định phù hợp với các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư Liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC.

Bộ Công Thương thông báo để các thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu biết, thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện về Liên Bộ Công Thương - Tài chính để giám sát theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương (b/c);
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Quản lý Giá, Thanh tra Bộ (BTC);
- Cục Quản lý thị trường (BCT);
- Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam (để biết);
- Lưu: VT, TTTN.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Lộc An

Giá xăng dầu thế giới 15 ngày
(20/4/2015 - 04/5/2015)

TT	Ngày	X92	Dầu hoả	Do0,05	FO 3,5S	B/hồ	WTI	LNH	VCB bán
1	20/4/15	75.820	74.300	74.020	360.390	66.880	56.340	21,458	21,615
2	21/4/15	74.800	73.860	73.680	358.010	66.150	56.410	21,458	21,615
3	22/4/15	73.410	72.490	72.550	352.230	64.850	56.310	21,458	21,615
4	23/4/15	75.460	73.290	73.290	356.790	65.860	57.500	21,458	21,615
5	24/4/15	79.790	75.850	75.950	369.750	68.850	57.150	21,458	21,620
6	25/4/15								
7	26/4/15								
8	27/4/15	79.830	75.590	75.900	370.860	68.890	56.990	21,458	21,630
9	28/4/15	79.090	74.800	75.150	364.940	67.790	57.060	21,458	21,630
10	29/4/15	77.910	74.400	75.030	366.060	67.670	58.580	21,458	21,630
11	30/4/15	79.640	76.820	77.450	378.680	69.650	59.630	21,458	21,630
12	1/5/15						59.150	21,458	21,630
13	2/5/15								
14	3/5/15								
15	4/5/15	80.890	77.740	78.050	386.340	70.200	58.930	21,458	21,650
	Bquân	77.664	74.914	75.107	366.405	67.679	57.641	21.458	21.625